

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25-11-2025.

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm .

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hôn.

Bà Phạm Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Vĩnh Long

Trong ngày 25 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 6 – Vĩnh Long xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 212/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 190/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc G, sinh ngày: 26/11/1984; CCCD số: 083184008788, cấp ngày 20/11/2024. Địa chỉ: 3 ấp G, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Bình E, sinh ngày: 05/5/1981. CCCD số: 083081002900, cấp ngày 06/10/2022. Địa chỉ: ấp H, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến, đơn đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc G trình bày:**

- Về hôn nhân và việc cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: bà và ông Bình E tự nguyện kết hôn vào năm 2010 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H (Nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long), cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/11/2010.

Sau khi kết hôn ông bà chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, tình cảm nhạt dần, ông bà còn sống chung nhà nhưng mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến nhau từ tháng 01 năm 2025 đến nay mà không hàn gắn được.

Nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, không thể hàn gắn được. Nay bà yêu cầu tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Bình E, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.
- Về nợ chung: Không có.

*** Tại văn bản trình bày ý kiến, tại phiên hòa giải bị đơn ông Nguyễn Văn Bình E trình bày ý kiến như sau:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về thời gian hai bên kết hôn, thời gian đăng ký kết hôn. Ông còn thương vợ nên mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, không đồng ý ly hôn mặc dù vợ ông kiên quyết ly hôn, ông hứa nếu vợ ông cho cơ hội hàn gắn tình cảm thì ông sẽ bỏ nhậu, không dùng lời lẽ nói nặng nhẹ vợ ông nữa, nếu ông không sửa đổi được thì vợ ông nộp đơn ly hôn thì ông sẽ thuận tình ly hôn. Đặt trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì ông không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng khi ly hôn.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.
- Về nợ chung: Không có.

Ông đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Vĩnh Long. Do tôi bận công việc nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn nên xác định đây là vụ án tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Bị đơn có nơi cư trú tại ấp H, xã H, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Vĩnh Long theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Điều 5, Điều 6 của Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 và Luật số 85/2025/QH15.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227,

khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H (Nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 26/11/2010 đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Theo nguyên đơn trình bày thời gian chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng không hàn gắn được, cả hai còn sống chung nhà nhưng đã sống ly thân từ tháng 01/2025 cho đến nay và trong thời gian này cả hai bên vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo hợp lệ các phiên hòa giải với mục đích là hòa giải, động viên nhằm hàn gắn tình cảm, quan hệ giữa vợ chồng cho hai bên. Tuy nhiên nguyên đơn kiên quyết giữ yêu cầu ly hôn, bị đơn xác định bị đơn còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn, nguyên nhân mâu thuẫn do bị đơn thường xuyên đi nhậu, dùng lời lẽ xúc phạm nguyên đơn, hiện tại bị đơn không có biện pháp gì để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân của ông bà có mâu thuẫn, ông bà dù còn sống chung với nhau nhưng mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến nhau từ tháng 01/2025, hai bên không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Từ những phân tích, Hội đồng xét xử nhận định tình trạng hôn nhân của cả hai đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó cần thiết phải chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu này.

Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn, bị đơn xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn xác định không có vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà G phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 và Luật số 85/2025/QH15.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc G. Bà Nguyễn Thị Ngọc G được ly hôn với ông Nguyễn Văn Bình E. Bà Nguyễn Thị Ngọc G và ông Nguyễn Văn B Em không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Ngọc G và ông Nguyễn Văn Bình E xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc G và ông Nguyễn Văn B Em xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc G và ông Nguyễn Văn B Em xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc Giàu C nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007177 ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Bà G đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 6 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng GDKT,TT và THA TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- UBND xã Hưng Khánh Trung, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 6 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng GDKT,TT và THA TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- UBND xã Chợ Lách, Vĩnh Long;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Công Tâm Bùi Thị Thúy Bắc

Nguyễn Thị Diễm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Thuởng Bùi Thị Tuyết T

Nguyễn Thị D

